

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm
của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : **Công tác xã hội**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Công tác xã hội (Social Work)** Mã số : **52760101**

Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân công tác xã hội (CTXH) có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề CTXH, có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết những vấn đề xã hội của cá nhân, nhóm và cộng đồng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành và kỹ năng thực hành CTXH, giúp sinh viên có phương pháp tư duy khoa học, có năng lực vận dụng kiến thức đã học vào việc nhận thức và giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra.

1.2.2. Kỹ năng

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành nghề nghiệp CTXH thuộc những lĩnh vực khác nhau của ngành CTXH.

1.2.3. Thái độ

Tôn trọng các nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm; tôn trọng quyền tự quyết trong việc giải quyết vấn đề của thân chủ; biết lắng nghe, quan hệ bình đẳng, không phân biệt đối xử; gương mẫu và có đạo đức nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Tri thức chuyên môn

– Có kiến thức chung, căn bản thuộc chuẩn trình độ đại học của một cử nhân: hiểu biết về các Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, có kiến thức cơ bản về

Khoa học Xã hội và Nhân văn phù hợp với ngành CTXH, đáp ứng việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn;

- Có kiến thức rộng về các lý thuyết CTXH; nắm vững các phương pháp trong CTXH như CTXH cá nhân, CTXH nhóm, Phát triển cộng đồng, Quản trị ngành CTXH, nghiên cứu trong CTXH;

- Có kiến thức chuyên ngành để có hướng giải quyết thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến tội phạm, các vấn đề của trẻ, các vấn đề của gia đình, nghèo đói, người khuyết tật, người cao tuổi, nạn nhân bị bạo hành, người làm mại dâm, người nhiễm HIV...

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp

- Có khả năng nhận diện và có hướng giải quyết các vấn đề xã hội một cách khoa học; thiết kế các cuộc nghiên cứu tại cộng đồng, phân tích dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu; viết dự án; hoạch định, tổ chức và điều hành các tổ chức;

- Có khả năng làm việc với cá nhân - gia đình, nhóm, cộng đồng nhằm giúp họ nhận biết và phát huy tiềm năng để phát triển;

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng chuyên môn: Nhận diện các vấn đề xã hội; nhận biết và phân tích các vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng. Thiết kế nghiên cứu để tìm hiểu và phân tích; kỹ năng thu thập và phân tích thông tin (phương pháp định lượng và định tính: thống kê, SPSS, phân tích nội dung...);

- Năng lực thực hành nghề nghiệp: Có khả năng vận dụng kiến thức CTXH góp phần vào việc nghiên cứu các vấn đề xã hội; có khả năng làm dự án xã hội; tổ chức và thực hiện các chương trình liên quan đến truyền thông, tập huấn tại cộng đồng; hỗ trợ cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng giải quyết vấn đề;

- Kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề: được trang bị một số phương pháp, kỹ năng, công cụ để giải quyết các tình huống trong quá trình làm việc sau này.

2.2.2. Kỹ năng mềm

Sinh viên được trang bị một số kỹ năng mềm sau:

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian;
- Tư duy phản biện;
- Kỹ năng thấu cảm khi làm việc với con người;

- Năng lực sử dụng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp ngành CTXH có chuẩn đầu ra đạt năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng

sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và biết sử dụng SPSS.

2.3. Thái độ

2.3.1. Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân

Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và thấm nhuần chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.3.2. Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ:

Yêu nghề, thân thiện, cởi mở, thiện chí trong việc tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc.

2.3.3. Khả năng cập nhật kiến thức, thái độ trong công việc

Có ý thức tự học để thích ứng với sự phát triển của xã hội.

2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có thể làm việc tại các cơ sở xã hội, các tổ chức xã hội, các chương trình phát triển cộng đồng liên quan đến các lĩnh vực cụ thể sau đây:

- Cung ứng dịch vụ xã hội cho trẻ em, thanh niên và gia đình;
- Làm CTXH, công tác tham vấn trong trường học, bệnh viện, các khu công nghiệp, hay phụ trách chuyên môn về CTXH tại Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội chữ thập đỏ; làm việc cho các cơ quan và các tổ chức xã hội trong và ngoài nước;
- Quản lý, làm việc cho các dự án phát triển cộng đồng, phát triển xã hội, tham gia các dự án xóa đói giảm nghèo, nâng cao năng lực phụ nữ, hướng nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên, tham gia xây dựng các chương trình tín dụng tiết kiệm;
- Huấn luyện và nghiên cứu về CTXH, các vấn đề xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng, vấn đề giáo dục và đào tạo;
- Nghiên cứu và giảng dạy tại các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học và các Viện nghiên cứu.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn: Cao học, nghiên cứu sinh ngành CTXH.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo

Các chương trình đào tạo của nước ngoài như các đại học Mỹ, Nhật, Philippine:

- School of Social Work, University of Texas at Austin- USA;
- College of Social work and Community Development, University of the Philippines-Diliman;
- Asian Social Institute- Philippines;
- Trường đào tạo Công tác xã hội tại Nhật Bản;

Các chương trình đào tạo trong nước:

- Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội, Đại học quốc gia Hà Nội;
- Trường Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 4 năm với 11 học kỳ.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức tích lũy của toàn khóa học tối thiểu là 125 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (5TC) và Giáo dục Quốc phòng (8TC).

- Khối kiến thức Giáo dục Đại cương: 42 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).
- Khối kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp: 83 tín chỉ, bao gồm:
 - + Kiến thức giáo dục chuyên ngành: 72 tín chỉ.
 - + Thực tập tốt nghiệp: 04 tín chỉ.
 - + Khóa luận tốt nghiệp: 07 tín chỉ.

5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

7. Thang điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm 10 và quy tương đương sang điểm chữ theo quy định của nhà trường.

8. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú (Môn học trước)
			TC	LT	TH	
8.1. Kiến thức giáo dục đại cương			42	42		
8.1.1. Lý luận chính trị			10	10		
1.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	POLI1201	2	2		
2.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	POLI2302	3	3		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2		
4.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3		
8.1.2. Khoa học xã hội và nhân văn			14	14		
5.	Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	3		
6.	Dân số học	SOCI3212	2	2		
7.	Quản trị học	BADM1301	3	3		
8.	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2		
9.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2		
10.	Giới và phát triển	SOCI2205	2	2		
8.1.3. Ngoại ngữ			14	14		
11.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4		
12.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4		TA NC 1
13.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3	3		TA NC 2
14.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3	3		TA NC 3
8.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên			4	4		
15.	Tin học đại cương	COMP0401	4	4		
8.1.5. Giáo dục Thể chất			5		5	
16.	Giáo dục Thể chất 1	PEDU1201	2		2	
17.	Giáo dục Thể chất 2 – Chọn 1 trong các môn sau: - Bóng chuyền - Bóng ném - Bóng đá - Bơi lội	PEDU1302 PEDU1303 PEDU1304 PEDU1305	3		3	
8.1.6. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			8		8	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú (Môn học trước)
			TC	LT	TH	
18.	Giáo dục Quốc phòng	DEDU1801	8		8	
8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			83	70	13	
8.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			16	16		
19.	CTXH nhập môn	SWOR1301	3	3		
20.	Hành vi con người và môi trường xã hội	SWOR3305	3	3		
21.	An sinh xã hội (Các vấn đề XH đương đại, ASXH và các vấn đề XH)	SWOR1302	3	3		
22.	Chính sách xã hội	SWOR3204	2	2		
23.	Tâm lý học phát triển	SWOR2303	3	3		
24.	Nhập môn khoa học giao tiếp	SWOR1201	2	2		
8.2.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu			56	47	9	
8.2.2.1. Kiến thức chung			41	32	9	
Các môn học bắt buộc			35	26	9	
25.	CTXH cá nhân	SWOR3301	3	3		
26.	CTXH nhóm	SWOR3302	3	3		
27.	Lý thuyết CTXH	SWOR2305	3	3		
28.	Phát triển cộng đồng	SOCI2304	3	3		
29.	Quản trị ngành CTXH	SWOR3207	2	2		
30.	Phương pháp nghiên cứu trong CTXH	SWOR2306	3	3		
31.	Tham vấn cơ bản	SWOR2304	3	3		
32.	Thực tập CTXH cá nhân	SWOR3602	3		3	
33.	Thực tập CTXH nhóm	SWOR3603	3		3	
34.	Thực tập phát triển cộng đồng	SWOR2602	3		3	
35.	CTXH với người cao tuổi	SWOR3306	3	3		
36.	CTXH với người khuyết tật	SWOR3307	3	3		
Các môn học tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các môn sau đây)			6	6		
37.	Quản lý ca trong CTXH	SWOR1204	2	2		
38.	CTXH trong lĩnh vực y tế	SWOR2205	2	2		
39.	Sức khỏe tâm thần	SWOR3202	2	2		
40.	An sinh nhi đồng và gia đình	SWOR3203	2	2		
41.	Tham vấn trẻ trong hoàn cảnh đặc biệt	SWOR3209	2	2		

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú (Môn học trước)
			TC	LT	TH	
	khó khăn					
42.	CTXH trong lĩnh vực HIV/AIDS	SWOR1203	2	2		
8.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành			15	15		
Các môn học bắt buộc			11	11		
43.	Quản lý dự án xã hội	SWOR3303	3	3		
44.	Thống kê xã hội	SOCI2302	3	3		
45.	Tin học ứng dụng trong khoa học xã hội	COMP2306	3	3		
46.	Sức khoẻ cộng đồng	SWOR3206	2	2		
Các môn học tự chọn (Chọn 4 tín chỉ trong các môn sau đây)			4	4		
47.	Quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ	SWOR4202	2	2		
48.	Quản trị hành chính - văn phòng	SWOR4205	2	2		
49.	Xã hội học đô thị	SOCI3207	2	2		
50.	CTXH với gia đình	SWOR4213	2	2		
51.	CTXH học đường	SWOR4211	2	2		
52.	Luật lao động	GLAW4202	2	2		
53.	Xã hội học nông thôn	SOCI3208	2	2		
54.	CTXH trong lĩnh vực y tế	SWOR2205	2	2		
55.	Xã hội học tội phạm	SOCI3203	2	2		
56.	Phòng ngừa, giảm nhẹ thảm họa thiên tai	SWOR4215	2	2		
57.	Xã hội học gia đình	SOCI2206	2	2		
58.	Xã hội học di dân	SOCI2305	3	3		
59.	Biện hộ trong CTXH	SWOR4214	2	2		
8.2.3. Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp			11	7	4	
60.	Thực tập tốt nghiệp	SWOR4899	4		4	
61.	Khóa luận tốt nghiệp	SWOR4799	7	7		
<i>Các môn học thay thế Khóa luận Tốt nghiệp:</i>			7	7		
62.	XHH nông thôn	SOCI3208	2	2		
	CTXH với gia đình	SWOR4213	2	2		
	Biện hộ trong CTXH	SWOR4214	2	2		
	Luật lao động	GLAW4202	2	2		
Tổng cộng			125	112	13	

9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			12	12		
1.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2		
2.	Tin học đại cương	COMP0401	4	4		
3.	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2		
4.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4		
HỌC KỲ 2			15	15		
1.	An sinh xã hội (Các vấn đề xã hội đương đại; ASXH và các vấn đề xã hội)	SWOR1302	3	3		
2.	Xã hội học đại cương (NMXHH)	SOCI1301	3	3		
3.	CTXH nhập môn	SWOR1301	3	3		
4.	Dân số học	SOCI3212	2	2		
5.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4		
HỌC KỲ 3			12	12		
1.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	POLI1201	2	2		
2.	Quản trị học	BADM1301	3	3		
3.	Giới và phát triển	SOCI2205	2	2		
4.	Nhập môn Khoa học giao tiếp	SWOR1201	2	2		
5.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3	3		
HỌC KỲ 4			17	17		
1.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	POLI2302	3	3		
2.	Phát triển cộng đồng	SOCI2304	3	3		
3.	Tâm lý học phát triển	SWOR2303	3	3		
4.	Môn chọn 1 (kiến thức chung của ngành- Sức khỏe tâm thần)	SWOR3202	2	2		
5.	Tham vấn cơ bản	SWOR2304	3	3		
6.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3	3		
HỌC KỲ 5			13	10	3	
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2		
2.	Lý thuyết CTXH	SWOR2305	3	3		
3.	Thực tập Phát triển cộng đồng	SWOR2602	3		3	

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
4.	Môn chọn 2 (kiến thức chung của ngành- An sinh nhi đồng và gia đình)	SWOR3203	2	2		
5.	Phương pháp nghiên cứu trong CTXH	SWOR2306	3	3		
HỌC KỲ 6			14	14		
1.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3		
2.	CTXH cá nhân	SWOR3301	3	3		
3.	Sức khỏe cộng đồng	SWOR3206	2	2		
4.	Thống kê xã hội	SOCI2302	3	3		
5.	Hành vi con người và môi trường xã hội	SWOR3305	3	3		
HỌC KỲ 7			10	10		
1.	CTXH nhóm	SWOR3302	3	3		
2.	Quản trị ngành CTXH	SWOR3207	2	2		
3.	Chính sách xã hội	SWOR3204	2	2		
4.	Tin học ứng dụng trong khoa học xã hội	COMP2306	3	3		
5.	Giáo dục Quốc phòng	DEDU1801	8		8	
6.	Giáo dục Thể chất 1	PEDU1201	2		2	
HỌC KỲ 8			8	2	6	
1.	Môn chọn 3 (kiến thức chung của ngành- Tham vấn trẻ trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn)	SWOR3209	2	2		
2.	Thực tập CTXH cá nhân	SWOR3602	3		3	
3.	Thực tập CTXH nhóm	SWOR3603	3		3	
4.	Giáo dục thể chất 2 – Sinh viên chọn 1 trong các môn sau: – Bóng chuyền – Bóng ném – Bóng đá – Bơi lội	PEDU1302 PEDU1303 PEDU1304 PEDU1305	3		3	
HỌC KỲ 9			13	13		
1.	CTXH với người khuyết tật	SWOR3307	3	3		
2.	Quản lý dự án xã hội	SWOR3303	3	3		
3.	Môn chọn 1 (Kiến thức chuyên sâu - Xã hội học đô thị)	SOCI3207	2	2		
4.	CTXH với người cao tuổi	SWOR3306	3	3		

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
5.	Môn chọn 2 (kiến thức chuyên sâu: CTXH trong lĩnh vực y tế)	SWOR2205	2	2		
HỌC KỲ 10			4		4	
1.	Thực tập tốt nghiệp	SWOR4899	4		4	
HỌC KỲ 11			7	7		
1.	Khóa luận tốt nghiệp	SWOR4799	7	7		
Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp:						
1.	XHH nông thôn	SOCI3208	2	2		
2.	CTXH với gia đình	SWOR4213	2	2		
3.	Biện hộ trong CTXH	SWOR4214	2	2		
4.	Luật lao động	GLAW4202	2	2		

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

10.1. Danh mục môn học tương đương & thay thế

STT	Môn học các chương trình cũ				Môn học chương trình mới				Ghi chú
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			LT	TH			LT	TH	
DANH MỤC MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG									
1.	Tin học đại cương	COMP1401	2	1	Tin học đại cương	COMP0401	4		
2.	Tiếng Anh căn bản 1	GENG1401	4		Tiếng Anh căn bản 3	GENG0403	4		
3.	Tiếng Anh căn bản 2	GENG1402	4		Tiếng Anh căn bản 4	GENG0404	4		
4.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1403	4		Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4		
5.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1404	4		Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4		
6.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG2317	3		Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3		
7.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG2318	3		Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3		

10.2. Tổ chức đào tạo

– Đối với 3 môn học: Thực tập Phát triển cộng đồng; Thực tập CTXH cá nhân; Thực tập CTXH nhóm mức thu học phí là 3TC lý thuyết.

– Những sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp phải học các môn học thay thế cho đủ 7 tín chỉ.

– Sinh viên được làm Khóa luận tốt nghiệp khi hội đủ điều kiện tại điều 24, chương IV của Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh và theo quy định của Khoa, cụ thể như sau:

+ Phải đạt ít nhất 95% khối lượng chương trình không bao gồm thực tập và khóa luận tốt nghiệp (cho phép nợ tối đa 6 tín chỉ);

+ Có điểm trung bình chung học tập đạt từ 7,0 trở lên;

+ Có điểm báo cáo thực tập đạt từ 8,0 trở lên và có sự đồng ý của GVHD để làm Khóa luận tốt nghiệp.

11. Đề cương chi tiết môn học (Đính kèm)

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc